TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi, ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 2, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 2, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định ngày 16-4-2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở xã Phú Lập và sinh sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị K không thay đổi. Từ tháng 6/2022, anh và chị K đã không còn sống chung với nhau nữa. Nay bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh với chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Dương Trường G, sinh ngày 29-10-2012 và Nguyễn Hoàng Anh TH, sinh ngày 13-02-2018. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng với anh tại xã Phú Lập. Anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

- Về tài sản: Anh C trình bày anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị K không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Về hôn nhân: Cho anh C được ly hôn với chị K. Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp nuôi các con chung, tạm thời chị K chưa phải cấp dưỡng cho con. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K có nơi cư trú tại xã L, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Thanh C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị K, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh C là nguyên đơn và chị K là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 16-4-2012. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời khai của anh C và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Anh C trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh và chị K đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Bản thân chị K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến anh C, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh C và chị K đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh C và chị K có 02 con chung là: Nguyễn Dương Trường G, sinh ngày 29-10-2012 và Nguyễn Hoàng Anh TH, sinh ngày 13-02-2018. Khi ly hôn anh C yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Dương Trường G, sinh ngày 29-10-2012 và Nguyễn Hoàng Anh TH, sinh ngày 13-02-2018, tạm thời chưa yêu cầu chị K phải cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không còn sống chung với nhau các con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, bản thân anh C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và nghề nghiệp thu nhập ổn định. Ngoài ra cháu G là con chung trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với anh C. Đối với chị K trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị K không có ý kiến về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Do con chung còn nhỏ, quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện

nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý của con chung. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh C không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản: Anh C trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh C.

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy K.

- Về nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Thanh C trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Dương Trường G, sinh ngày 29-10-2012 và Nguyễn Hoàng Anh TH, sinh ngày 13-02-2018, tạm thời chị K chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003126 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (Số 28/2012, quyển số 01/2009 ngày 16-4-2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại